



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3

| STT | SBD    | Mã SV      | Họ đệm            | Tên    | Ngày sinh  | Lớp        | Lớp HP | Phách | Điểm thi | Số tờ | Ký nộp | Ghi chú |
|-----|--------|------------|-------------------|--------|------------|------------|--------|-------|----------|-------|--------|---------|
| 1   | 000001 | 1001030524 | Phạm Văn Trung    | Đức    | 08/12/2004 | QT10B      | 26     |       |          |       |        | ĐK      |
| 2   | 000002 | 1101030508 | Bùi Minh          | Chiến  | 28/10/1997 | QT11C      | 26     |       | 24       | 1     | ĐK     |         |
| 3   | 000003 | 1101031162 | Phạm Ngọc         | Cường  | 09/07/1985 | QT11C      | 26     |       | 24       | 1     | ĐK     |         |
| 4   | 000004 | 1101021458 | Nguyễn Sỹ         | Đạt    | 11/06/2004 | QT11C      | 26     |       | 23       |       | Đạt    |         |
| 5   | 000005 | 1101031266 | Đỗ Thế            | Đức    | 29/04/2003 | QT11C      | 26     |       | 23       |       | Đức    |         |
| 6   | 000006 | 1101031392 | Trần Minh         | Đức    | 17/10/2001 | QT11C      | 26     |       | 24       |       | ĐK     |         |
| 7   | 000007 | 1101031434 | Nguyễn Hữu        | Lương  | 10/08/2000 | QT11C      | 26     |       | 23       |       | ĐK     |         |
| 8   | 000008 | 1101081351 | Lê Thị Thu        | Phương | 23/02/2001 | QT11C      | 26     |       | 23       |       | ĐK     |         |
| 9   | 000009 | 1101021457 | Đàm Anh           | Thu    | 02/05/2004 | QT11C      | 26     |       | 23       |       | ĐK     |         |
| 10  | 000010 | 1101021318 | Nguyễn Anh        | Tú     | 31/07/1998 | QT11C      | 26     |       |          |       |        | HP, ĐK  |
| 11  | 000011 | 1101030740 | Nguyễn Thị Phương | Uyên   | 05/11/2005 | QT11C      | 26     |       | 25       |       | ĐK     | HP      |
| 12  | 000012 | 1101030464 | Nguyễn Thị        | Yến    | 11/02/2005 | QT11C      | 26     |       | 23       |       | ĐK     |         |
| 13  | 000013 | 1102031431 | Trịnh Văn         | Hào    | 03/02/1995 | QT11C_VLVH | 26     |       | 23       |       | ĐK     |         |
| 14  | 000014 | 1102031441 | Nguyễn Hữu        | Lĩnh   | 03/12/1989 | QT11C_VLVH | 26     |       | 24       |       | ĐK     |         |
| 15  | 000015 | 1102031248 | Lưu Đình          | Tú     | 10/11/1994 | QT11C_VLVH | 26     |       | 24       |       | ĐK     |         |
| 16  | 000016 | 1102031249 | Trịnh Hữu         | Tú     | 01/01/1992 | QT11C_VLVH | 26     |       | 24       |       | ĐK     |         |

Tổng số sinh viên dự thi: 14

Tổng số tờ giấy thi: 14

Tổng số biên bản: 0

Ngày 15 tháng 6 năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đỗ T. U. G. L. A. N. Y.

Thơng T. H. G. r. a. n. g.